

## KHÁI NIỆM ĐỀ NGŨ TRONG NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG-HỆ THỐNG

Đỗ Tuấn Minh<sup>1)</sup>

### 1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm của lý thuyết ngôn ngữ học chức năng-hệ thống, một cú trong bất cứ ngôn ngữ nào đều có đa chức năng. Nó là sự thể hiện đồng thời của các loại nghĩa khác nhau: ngôn bản, kinh nghiệm và liên nhân được tổ chức như là một thông điệp (a message), một sự thể hiện (a representation) và một sự trao đổi (an exchange).

Bài viết này tìm hiểu khái niệm Đề ngữ (Theme) được khái luận hoá trong mô hình ngôn ngữ học chức năng-hệ thống. Khái niệm Đề ngữ đã được Mathesius đề cập tới từ năm 1939 và kể từ đó được phát triển bởi các thành viên của trường phái Praha. Vào những năm 70, nhà ngôn ngữ học Halliday đã đưa khái niệm Đề ngữ vào mô hình ngôn ngữ học chức năng-hệ thống của ông.

### 2. Đề ngữ và Thuyết ngữ

Để tổ chức bất cứ một văn bản nào thành một chỉnh thể mạch lạc, người viết cần cho người đọc biết họ đang ở đâu và văn bản sẽ đi theo hướng nào. Các phương tiện ngữ pháp có thể giúp người viết chỉ ra hướng phát triển của văn bản thông qua các cú, cú phức và đoạn văn. Thành phần đứng đầu trong một cú thể hiện một loại nghĩa quan trọng và tách biệt. Người nói và viết tiếng Anh sử dụng

vị trí đầu của một cú để chỉ cho người nghe và người đọc thông điệp của cú đó. Trong tiếng Anh, vị trí đầu của cú chứa đựng các ý nghĩa ngôn bản. Để thảo luận và phân tích các ý nghĩa ngôn bản, chúng ta cần xem xét cấu trúc tạo cho cú đặc điểm như là một thông điệp: Cấu trúc Đề ngữ. Chúng ta gọi thành tố đầu của cú là Đề ngữ và phần còn lại của cú là Thuyết ngữ. Halliday [5, tr.38, 1994] định nghĩa Đề ngữ là "thành phần được dùng làm xuất phát điểm của thông điệp; nó là thành phần mà cú liên quan đến". Thành phần xuất phát điểm của cú hiện thực hoá các ý nghĩa ngôn bản. Trong bốn ví dụ dưới đây, xuất phát điểm của các cú khác nhau mặc dầu chúng có chung ý nghĩa kinh nghiệm.

(i) *The lion beat the unicorn all round the town.*

(Con sư tử đánh con kì lân khắp thị trấn)

(ii) *All round the town the lion beat the unicorn.*

(Khắp thị trấn con sư tử đánh con kì lân)

(iii) *By the lion the unicorn was beaten all round the town.*

(Bởi con sư tử con kì lân bị đánh khắp thị trấn)

(iv) *The unicorn was beaten all round the town.*

(Con kì lân bị đánh khắp thị trấn)

<sup>1)</sup> Th.S., Khoa Ngôn ngữ & Văn hoá Anh-Mĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chúng ta có thể nhận thấy xuất phát điểm của mỗi cú khác nhau và 4 cú cho chúng ta 4 thông điệp khác nhau. Ví dụ (i) có thể được hiểu như một thông điệp về *the lion*, ví dụ (iv) về *the unicorn*. Trái lại, ví dụ (ii) thông báo về địa điểm nơi hành động diễn ra và ví dụ (iii) thông báo về tác nhân của hành động.

Từ định nghĩa về Đề ngữ của Halliday nói trên, các ví dụ từ (i) đến (iv) có thể được phân tích theo cấu trúc Đề-Thuyết như sau:

<i>The lion</i>	<i>beat the unicorn all round the town</i>
<i>All round the town</i>	<i>the lion beat the unicorn</i>
<i>By the lion</i>	<i>the unicorn was beaten all round the town</i>
<i>The unicorn</i>	<i>was beaten all round the town</i>
Đề ngữ	Thuyết ngữ

Các ví dụ trên cho thấy tiêu chí nhận dạng Thuyết ngữ rất đơn giản: tất cả những gì không phải là Đề ngữ sẽ là Thuyết ngữ. Tuy nhiên một vấn đề đặt ra là làm thế nào xác định ranh giới giữa Đề ngữ và Thuyết ngữ. Nói cách khác, xuất phát điểm của cú kéo dài tới đâu.

### 3. Xác định Đề ngữ

#### 3.1. Đề ngữ chủ đề (*Topical Theme*)

Đường ranh giới giữa Đề ngữ và Thuyết ngữ trong một cú hữu định (finite) là ở điểm kết thúc của cụm từ đầu tiên mang chức năng và ý nghĩa kinh nghiệm. Thành tố này có thể là Tham tố (Participant), Quá trình (Process) hoặc Chu cảnh (Circumstance).

Eggins (1994: 276) nhận xét: “Khi một thành tố của cú được gán cho một chức năng chuyển tác nào đó xuất hiện ở vị trí đầu của cú, chúng ta gọi thành tố đó là Đề ngữ chủ đề”. Trong các ví dụ dưới đây, các Đề ngữ chủ đề có các vai trò chuyển tác như Hành thể (Actor), Cảm thể (Senser) hay Ứng thể (Behaver).

<i>Mary</i>	<i>has written</i>	<i>a letter</i>
Hành thể	Quá trình: vật chất	Đích thể
Đề ngữ	Thuyết ngữ	

<i>Mary</i>	<i>likes</i>	<i>poetry</i>
Cảm thể	Quá trình: tinh thần	Hiện tượng
Đề ngữ	Thuyết ngữ	

<i>I</i>	<i>watched</i>	<i>these models</i>	<i>on TV</i>
Ứng thể	Quá trình: hành vi	Cương vực	Chu cảnh
Đề ngữ	Thuyết ngữ		

Một nguyên tắc cơ bản cần chú ý là bất cứ cú nào cũng có duy nhất một Đề ngữ chủ đề. Khi đã xác định được Đề ngữ chủ đề trong cú, các thành tố còn lại là Thuyết ngữ.

#### 3.2. Đề ngữ liên nhân (*Interpersonal Theme*)

Đôi khi chúng ta bắt đầu cú với các ý nghĩa liên nhân thể hiện sự tương tác giữa những người nói hoặc vị trí của họ. Trong những trường hợp này chúng ta sử dụng Đề ngữ liên nhân. Phổ biến nhất là thành tố Hữu định (Finite)

trong cú nghi vấn khi nó đứng trước Chủ ngữ và báo hiệu rằng người nói đang yêu cầu thông tin.

<i>Do</i>	<i>you</i>	<i>give</i>	<i>blood?</i>
Hữu định	Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ
Liên nhân	Chủ đề		
Đề Ngữ		Thuyết ngữ	

Các loại Đề ngữ liên nhân khác bao gồm các Phụ ngữ tình thái (modal Adjuncts) sau đây:

<i>Maybe</i>	<i>stephan</i>	<i>could</i>	<i>help</i>
Phụ ngữ thức	Chủ ngữ	Hữu định	Vị ngữ
Liên nhân	Chủ đề		
Đề ngữ		Thuyết ngữ	

<i>Jennifer</i>	<i>come</i>	<i>here</i>
Hò ngữ	Hữu định/Vị ngữ	Phụ ngữ
Liên nhân	Chủ đề	
Đề ngữ		Thuyết ngữ

<i>Nfortunately,</i>	<i>the letter</i>	<i>Didn't</i>	<i>Arrive</i>
Phụ ngữ bình luận	Chủ ngữ	Hữu định	Vị ngữ
Liên nhân	Chủ đề		
Đề ngữ		Thuyết ngữ	

**3.3. Đề ngữ ngôn bản (Textual Theme)**

Thành tố thứ ba có thể xuất hiện ở vị trí đề ngữ là Đề ngữ ngôn bản. Thông thường chúng ta đặt trước nhóm ý nghĩa kinh nghiệm một nhóm từ có chức năng liên kết thông điệp với ngôn bản xuất

hiện trước đó. Đề ngữ ngôn bản có thể là các Phụ ngữ chuyển tiếp (Continuity Adjuncts) và Phụ ngữ liên hợp (Conjunctive Adjuncts). Những Đề ngữ chuyển tiếp phổ biến nhất là *oh*, *well*, *yeah* và *no* trong khi đó Đề ngữ liên hợp thường xuất hiện ở đầu cú.

<i>But</i>	<i>the pig</i>	<i>would not</i>
<i>Neverthel</i> <i>ess</i>	<i>the</i> <i>alternative</i>	<i>was not an</i> <i>alluring one</i>
<i>And</i>	<i>jill</i>	<i>came</i> <i>tumbling</i> <i>after</i>
<i>When</i>	<i>the prince</i>	<i>saw</i> <i>Cinderella</i>
<i>And so</i>	<i>the teacher</i>	<i>turned it out</i>
Ngôn bản	Chủ đề	
Đề ngữ		Thuyết ngữ

**3.4. Đề ngữ đa**

Như chúng ta xem xét ở phần 3.2 và 3.3, bên cạnh Đề ngữ chủ đề còn có Đề ngữ liên nhân và Đề ngữ ngôn bản. Ba loại đề ngữ này hình thành nên khái niệm Đề ngữ đa (Multiple Theme).

<i>But</i>	<i>surely</i>	<i>the</i>	<i>doesn't start</i>
		<i>course</i>	<i>till next week.</i>
Ngôn bản	Liên nhân	Kinh nghiệm	
Đề ngữ			Thuyết ngữ

Qua ví dụ trên, trật tự của các đề ngữ là Đề ngữ ngôn bản-Đề ngữ liên nhân-Đề ngữ kinh nghiệm. Tuy nhiên khi cùng xuất hiện một phụ ngữ liên hợp và một phụ ngữ tình thái thì phụ ngữ tình thái thường đứng trước và trật tự của Đề ngữ đa sẽ là: Đề ngữ liên nhân- Đề ngữ ngôn bản-Đề ngữ kinh nghiệm.

<i>Not surprising-ly,</i>	<i>then,</i>	<i>its operations</i>	<i>were viewed with admiration</i>
Liên nhân	Ngôn bản	Kinh nghiệm	
Đề Ngữ			Thuyết ngữ

#### 4. Đề ngữ và Thức

Để trả lời cho câu hỏi “Thành tố nào thông thường được lựa chọn làm Đề ngữ trong cú tiếng Anh?”, Halliday [5, tr.42,1994] cho rằng câu trả lời phụ thuộc vào sự lựa chọn của Thức (Mood).

##### 4.1. Đề ngữ không đánh dấu và Đề ngữ đánh dấu (*Unmarked and marked Theme*)

Khi các nhà ngôn ngữ học nói rằng một sự tình nào đó là không đánh dấu, điều đó có nghĩa là nó bình thường, như mong đợi và không có gì đặc biệt. Trái lại, khi một sự tình được coi là đánh dấu, nó khác thường và nổi bật. áp dụng khái niệm này đối với Đề ngữ, chúng ta có thể tách Đề ngữ thông thường (không đánh dấu) với Đề ngữ đặc biệt (đánh dấu). Bởi mọi sự lựa chọn đều có ý nghĩa nhất định nên Đề ngữ đánh dấu xuất hiện để phục vụ cho mục đích nào đó của người viết (nói). Mục đích đó có thể là thu hút sự chú ý của người đọc (nghe) vào một cụm từ nhất định hoặc để tạo ra một ngôn bản mạch lạc, dễ theo dõi.

<i>You</i>	<i>will never meet a nicer girl.</i>
<i>Anh</i>	<i>sẽ không bao giờ gặp một cô gái hay hơn</i>
Đề ngữ (Không đánh dấu)	Thuyết ngữ

<i>A nicer girl</i>	<i>you will never meet.</i>
<i>Một cô gái hay hơn</i>	<i>anh sẽ không bao giờ gặp</i>
Đề ngữ (Đánh dấu)	Thuyết ngữ

#### 4.2. Đề ngữ trong cú trần thuật

Loại cú mà trong đó Đề ngữ dễ dàng được xác định nhất là cú trần thuật đơn. Trong cú này Đề ngữ và Chủ ngữ là một. Chủ ngữ được lựa chọn làm Đề ngữ không đánh dấu và cùng được biểu đạt bởi một cụm danh từ. Đề ngữ không đánh dấu của loại thức này thường là Hành thể, Phát ngôn thể (Sayer), ứng thể, Cảm thể (Sensor), Đương thể (Carrier) hoặc Bị đồng nhất thể (Identified).

	<i>The little dog</i>	<i>laughed</i>
	<i>Con chó nhỏ</i>	<i>cười</i>
Kinh nghiệm	Hành thể/ứng thể	
Liên nhân	Chủ ngữ	
Ngôn bản	Đề ngữ	Thuyết ngữ

Khi Đích thể (Goal), Chủ ngữ và Đề ngữ cùng được biểu đạt bằng một cụm danh từ, Đề ngữ lúc này là Đề ngữ đánh dấu.

	<i>The pig</i>	<i>was eaten</i>
	<i>Con lợn</i>	<i>bị ăn thịt</i>
Kinh nghiệm	Đích thể	
Liên nhân	Chủ ngữ	
Ngôn bản	Đề ngữ (đánh dấu)	Thuyết ngữ

Cũng tương tự như vậy, ta cũng có Đề ngữ đánh dấu khi thành phần xuất phát điểm của cú là một chu cảnh (Circumstance)

	<i>Up street and down street</i>	<i>each window</i>	<i>'smade of glass</i>
	<i>Đầu phố và cuối phố</i>	<i>mỗi cửa sổ</i>	<i>đều làm bằng kính</i>
Kinh nghiệm	Chu cảnh		
Liên nhân	Phụ ngữ	Chủ ngữ	
Ngôn bản	Đề ngữ (đánh dấu)	Thuyết ngữ	

**4.3. Đề ngữ trong cú phi trần thuật**

**4.3.1. Đề ngữ trong cú nghi vấn**

Để hiểu được sự lựa chọn Đề ngữ không đánh dấu trong loại cú này chúng ta cần xem xét chức năng giao tiếp của cú nghi vấn. Khi người nói yêu cầu câu trả lời Có/Không, Đề ngữ không đánh dấu là đề ngữ liên nhân và Đề ngữ chủ đề trùng với Hành thể và Chủ ngữ.

	<i>Are you</i>	<i>going to Scarborough fair?</i>
	<i>Anh</i>	<i>sẽ đi hội chợ Scarborough chứ?</i>
Kinh nghiệm	Actor	
Liên nhân	Hữu định	Chủ ngữ
Ngôn bản	Đề ngữ liên nhân	Đề ngữ chủ đề
		Thuyết ngữ

Khi người nói yêu cầu thông tin cụ thể trong câu hỏi WH, từ nghi vấn WH là Đề ngữ không đánh dấu mang cả ý nghĩa liên nhân và kinh nghiệm.

	<i>Who</i>	<i>goes there?</i>
	<i>Ai</i>	<i>đi tới đó?</i>
Kinh nghiệm	Hành thể	
Liên nhân	Chủ ngữ	
Ngôn bản	Đề ngữ chủ đề	Thuyết ngữ

Khi Chu cảnh đứng trước thành phần Hữu định (Finite) hoặc từ nghi vấn (WH-word) làm thành phần xuất phát điểm của cú, Chu cảnh lúc này trở thành Đề ngữ đánh dấu.

	<i>In the spring</i>	<i>shall we</i>	<i>go fishing?</i>
	<i>Vào mùa xuân</i>	<i>chúng ta sẽ đi câu chứ?</i>	
Kinh nghiệm	Chu cảnh	Hành thể	
Liên nhân		Hữu định	Chủ ngữ
Ngôn bản	Đề ngữ chủ đề (đánh dấu)	Thuyết ngữ	

**4.3.2. Đề ngữ trong cú mệnh lệnh**

Trong cú mệnh lệnh, vì mục đích giao tiếp là khiến ai đó thực hiện một hành động nhất định, Đề ngữ không đánh dấu sẽ là thành phần Vị ngữ (Predicator) biểu đạt hành động.

	<i>Put</i>	<i>the kettle on!</i>
	<i>Đặt</i>	<i>cái ấm lên!</i>
Kinh nghiệm	Quá trình: Vật chất	
Liên nhân	Vị ngữ	
Ngôn bản	Đề ngữ chủ đề	Thuyết ngữ

Trong trường hợp của cú mệnh lệnh phủ định, Đề ngữ có thêm trợ động từ nghi vấn "don't".

<i>Don't cry</i>	<i>about it.</i>
Đừng khóc	về chuyện đó.
Đề ngữ	Thuyết ngữ

Đối với cú mệnh lệnh bắt đầu bằng *let's*, thành tố này được phân tích như là Chủ ngữ và do đó là Đề ngữ chủ đề.

	<i>Let's</i>	<i>have</i>	<i>some cheese.</i>
	<i>Chúng ta</i>	<i>hãy ăn pho mát.</i>	
Kinh nghiệm	Hành thể		
Liên nhân	Chủ ngữ	Predicator	
Ngôn bản	Đề ngữ chủ đề	Thuyết ngữ	

Trong cú mệnh lệnh nhấn mạnh, thành tố "Do" làm Đề ngữ liên nhân đứng trước Đề ngữ chủ đề (Quá trình).

	<i>Do</i>	<i>tell</i>	<i>me</i>	<i>about it.</i>
	<i>Hãy</i>	<i>nói cho tôi về chuyện đó.</i>		
Liên nhân	Hữu định	Vị ngữ		
Ngôn bản	Liên nhân	Chủ đề		
	Đề ngữ		Thuyết ngữ	

Đề ngữ đánh dấu trong cú mệnh lệnh xuất hiện khi cú bắt đầu chủ ngữ "You".

<i>You</i>	<i>just shut up, will you?</i>
<i>Cậu</i>	<i>ngậm miệng lại.</i>
Đề ngữ (đánh dấu)	Thuyết ngữ

Bên cạnh đó, cú mệnh lệnh có thể bắt đầu bằng một Phụ ngữ thường để giải thích tại sao mệnh lệnh cần phải thực hiện.

<i>Under no circumstances</i>	<i>open the door.</i>
<i>Trong bất cứ hoàn cảnh nào</i>	<i>đừng bao giờ mở cửa.</i>
Đề ngữ (đánh dấu)	Thuyết ngữ

### 4.3.3. Đề ngữ trong cú cảm thán

Với những cú cảm thán không bị tỉnh lược, thành tố WH luôn là Đề ngữ chủ đề.

<i>What a nice plant</i>	<i>you've got!</i>
<i>Cậu có một cái cây thật đẹp!</i>	
Đề ngữ	Thuyết ngữ

Đối với cú cảm thán bị tỉnh lược, thành phần bị tỉnh lược là Thuyết ngữ.

*How fantastic!*

Đề ngữ chủ đề

= *How fantastic it was!*

## 5. Một số trường hợp phân tích Đề ngữ khác

### 5.1. Đề ngữ trong các quá trình tồn tại

Quá trình tồn tại đưa ra một ngoại lệ đối với qui tắc cho rằng Đề ngữ chủ đề luôn có một vai trò chuyển tác. Từ tồn tại "there" là chủ ngữ, do vậy nó phải là Đề ngữ. Tuy nhiên, xét trên bình diện kinh nghiệm, "there" không có chức năng thể hiện (representational) và do đó không thoả mãn tiêu chí nhận dạng Đề ngữ bằng cách biểu đạt ý nghĩa kinh nghiệm.

<i>There</i>	<i>was</i>	<i>a bomb</i>	<i>in her bag</i>
<i>Có</i>	<i>một quả bom trong túi cô ta.</i>		
	Quá trình: Tồn tại		
Đề ngữ chủ đề		Thuyết ngữ	

### 5.2. Đề ngữ trong cú phức

Bởi cú phức được cấu tạo theo quan hệ đồng đẳng hoặc quan hệ phụ thuộc nên sự phân biệt giữa hai loại này đòi hỏi cách phân tích Đề ngữ khác nhau.

5.2.1. Đề ngữ trong cú độc lập

Nếu một cú phức được cấu tạo bằng quan hệ đồng đẳng, mỗi mệnh đề độc lập có một cấu trúc Đề ngữ riêng.

He	heard an explosion	and	he	phoned the police
Anh ta	nghe thấy một tiếng nổ	và	anh ta	gọi cho cảnh sát
Chủ đề		Ngôn bản	Topical	
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>		Thuyết ngữ <sup>2</sup>

5.2.2. Đề ngữ trong cú phụ thuộc

Trong các cú quan hệ phụ thuộc, việc phân tích đề ngữ phụ thuộc vào trật tự của cú chính và cú phụ thuộc. Khi cú chính đứng trước cú phụ thuộc, chúng ta phân tích cấu trúc đề ngữ của mỗi cú một cách độc lập.

He	failed the exam	because	he	did not prepare for it
Anh ta	thi trượt	bởi	anh ta	không chuẩn bị ôn
Chủ đề		Ngôn bản	Chủ đề	
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>		Thuyết ngữ <sup>2</sup>

Khi cú phụ thuộc đứng trước chúng ta có thể tuân theo một cách chặt chẽ giả thiết mỗi một cú có một Đề ngữ.

As the universe	expanded,	the temperature of the radiation	decreased
Khi vũ trụ	mở rộng ra	nhiệt độ của bức xạ	giảm xuống
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>	Thuyết ngữ <sup>2</sup>

Tuy nhiên, bởi cú phụ trong ví dụ này có chức năng tương tự như một Phụ ngữ nên chúng ta có thể coi cú phụ như là Đề ngữ của toàn bộ cú phức.

As the universe expanded,	the temperature of the radiation decreased
Khi vũ trụ mở rộng ra	nhiệt độ của bức xạ giảm xuống
Đề ngữ	Thuyết ngữ

5.3. Đề ngữ được vị ngữ hoá (Predicated Theme)

Cấu trúc này được gọi “câu chề” (left sentence) trong ngữ pháp truyền thống. Halliday [5, tr.58,1994] nhận xét: “Bất cứ thành tố nào có chức năng thể hiện trong cú đều có thể được tách ra thông qua hình thức vị ngữ hoá”. Halliday đưa ra ba biến thể của câu “The Queen sent my uncle that hatstand” (Nữ hoàng gửi cho chú tôi cái giá để mũ) như sau:

- (i) *It was the Queen who sent my uncle that hatstand.*
- (ii) *It was my uncle that the Queen sent that hatstand to.*
- (iii) *It was that hatstand that the Queen sent to my uncle.*

Cấu trúc đề ngữ của (i), (ii) và (iii) có thể được thể hiện như sau:

- Cấu trúc (i)

It	was the Queen	who	sent my uncle that hatstand
Chính	Nữ hoàng	(là) người	đã gửi cho chú tôi cái giá để mũ
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>	Thuyết ngữ <sup>2</sup>
Đề ngữ		Thuyết ngữ	

- Cấu trúc (ii)

<i>It</i>	<i>was my uncle</i>	<i>that</i>	<i>the Queen</i>	<i>sent hatsta nd to</i>
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>		Thuyết ngữ <sup>2</sup>
Đề ngữ		Thuyết ngữ		

- Cấu trúc (iii)

<i>It</i>	<i>was that hatstand</i>	<i>that</i>	<i>the Queen</i>	<i>sent to my uncle</i>
Đề ngữ <sup>1</sup>	Thuyết ngữ <sup>1</sup>	Đề ngữ <sup>2</sup>	Thuyết ngữ <sup>2</sup>	
Đề ngữ		Thuyết ngữ		

Trong câu gốc "The Queen sent my uncle that hatstand", chỉ có một Đề ngữ chủ đề. Đứng ở vị trí đề ngữ, "The Queen" được cho là thông tin cũ ("given" information) và "that hatstand" là thông tin mới ("new" information).

Tuy nhiên, các câu từ (i) và (iii) cho thấy có thể thay đổi vị trí của thông tin cũ và mới thông qua việc vị ngữ hoá đề ngữ. Quá trình này được thực hiện khi người nói/viết muốn nhấn mạnh vào điểm nhất định trong cú.

## 6. Kết luận

Bài viết này tập trung vào tìm hiểu khái niệm Đề ngữ dưới ánh sáng của

ngôn ngữ học chức năng-hệ thống. Bài viết lấy xuất phát điểm từ giả thiết của Halliday cho rằng "Trong mọi ngôn ngữ, cú có đặc điểm như là một thông điệp: nó có một dạng tổ chức nào đó tạo cho cú vị thế của một sự kiện giao tiếp" (Halliday [5, tr.37,1994]). Trong tiếng Anh, một bộ phận của cú đóng vai trò làm Đề ngữ và bộ phận này kết hợp với phần còn lại của cú tạo ra một thông điệp.

Một phần lớn của bài viết được dành cho việc xác định Đề ngữ trong cú. Để phục vụ mục đích phân tích văn bản, ba loại Đề ngữ được định danh gồm Đề ngữ Chủ đề, Đề ngữ Liên nhân và Đề ngữ Ngôn bản. Đề ngữ Chủ đề là một thành tố của cú mang một vai trò chuyển tác nhất định. Đề ngữ liên nhân chỉ ra sự tương tác giữa những người nói hoặc vị trí của họ. Loại Đề ngữ thứ ba-Đề ngữ ngôn bản đóng vai trò liên kết trong việc gắn cú với ngôn cảnh.

Bài viết cũng đi sâu vào phân tích mối quan hệ giữa Đề ngữ và Thúc. Dưới ảnh hưởng của Thúc đối với sự lựa chọn Đề ngữ, các loại Đề ngữ điển hình cho các loại Thúc khác nhau được trình bày trong bài viết.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fries, P.H., On the status of theme in English: arguments from discourse, *Forum Linguisticum 6 (1)*, Reprinted in J. Petofi and E. Sozer (eds.), 1983, *Micro and macro connexity of texts*, Hamburg: Helmut Buske (Papers in Textlinguistics 45), pp. 116-152, 1981.
2. Fries, P.H., Lexico-grammatical patterns and the interpretation of texts, *Discourse processes*, 15, pp 73-91, 1992.
3. Fries, P.H., Themes, methods of development, and texts. In Hasan, R & Fries, P.H. (eds.), *On Subject and Theme: From the Perspective of Functions in Discourse*, Amsterdam and Philadelphia: John Benjamins, 1995.



4. Halliday, M.A.K., Notes on transitivity and theme in English, part 1-3, *Journal of Linguistics* 3 (1), 37 - 87, 3 (2), 199 - 244, 4 (2), 179 - 215, số 8, 1967.
5. Halliday, M.A.K., *An introduction to functional grammar*, London: Edward Arnold, 1994.
6. Martin, James R., *English Text: system and structure*, Amsterdam: Benjamins, 1992.
7. Matthiessen, Christian M.I.M., *Lexicogrammatical cartography: English systems*, Tokyo: International Language Sciences Publishers, 1995.
8. Quirk, R., Greenbaum, S., Leech, G. and Svartik, J., *A Comprehensive Grammar of the English Language*, London: Longman, 1985.
9. Thompson, Geoff., *Introducing functional grammar*, London: Hodder Education, 1996.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XX, N<sub>o</sub>4, 2004

## ON THEME IN SYSTEMIC-FUNCTIONAL LINGUISTICS

MA. Do Tuan Minh

*Department of English-American Language and Culture  
College of Foreign Languages - VNU*

This paper has been an attempt to investigate the notion of Theme in the light of Systemic-Functional Linguistics. In English, a part of the clause is assigned the role of Theme and this part combines with the remainder of the clause-Rheme-to constitute a message. A substantial section of the paper is devoted to identifying Themes in the clause. Topical Theme is a clause constituent that can be assigned with a transitivity role and when a constituent to which we would assign a Mood label occurs at the beginning of a clause, we call it an Interpersonal Theme. The third clause constituent that can occur in Thematic position is the category of textual elements. These are elements which do not express any interpersonal or experiential meaning, but which are doing important cohesive work in relating the clause to its context. The paper also provides an insight into the relationship between Theme and Mood. Under the influence of Mood on the choice of Theme, typical Themes for different Mood types are analysed.